TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Bùi Thị Thương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Văn Đê
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Sanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐST-HNGĐ ngày 30/8/2017; quyết định hoãn phiên tòa số 31/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm: 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Số 50 đường T, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Trần Minh C, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 271 đường C, tổ 2, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hoài T trình bày:

Bà và ông Trần Minh C quen biết nhau vào năm 2005, sau đó phát sinh tình cảm, quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà tổ chức đám cưới và chung sống từ năm 2010, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 111/2010 quyển số 01/2010 ngày 17 tháng 12 năm 2010. Hôn nhân giữa bà và ông C là hoàn toàn tự nguyện.

Ngay sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp về mặt sinh lý. Từ đó tình cảm giữa ông bà ngày càng phai nhạt. Mặc dù bà đã cố gắng để duy trì hạnh phúc hôn nhân nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn càng trầm trọng hơn từ năm 2013 nên bà và ông C đã sống ly thân cho đến nay. Sau khi ly thân cả hai không có động thái để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay bà không còn tình cảm với ông C nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Bà T và ông C có một người con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/9/2011, hiện đang ở với bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2] Đối với bị đơn: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông C nhiều lần để tham gia làm việc và phiên tòa xét xử, tuy nhiên ông C vẫn vắng mặt không có lí do.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

- Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp ly hôn, nuôi con. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải là đúng quy định tại các Điều 97, Điều 208- 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật.

- Về nội dung:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Nguyễn Thị Hoài T có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Minh C và giải quyết vấn đề về con chung giữa ông bà nên đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và việc Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Minh C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trên theo quy định.

-Về nội dung giải quyết:

[2] Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Minh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân của bà T và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T thì ngay sau khi kết hôn bà T và ông C đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và không hòa hợp về mặt sinh lý. Từ năm 2013 cho đến nay bà T và ông C sống ly thân.

Xét trong mỗi gia đình thì cả vợ chồng đều phải có nghĩa vụ tôn trọng, yêu thương, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng đối với bà T và ông C thì do mâu thuẫn nên cả hai đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Mặt khác trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông C nhiều lần để tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử với mục đích tạo điều kiện cho bà T và ông C quay về chung sống đoàn tụ cùng nhau nhưng ông C đã không có mặt. Điều đó thể hiện ông C không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình.

Vì vậy nhận thấy tình trạng vợ chồng giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng và đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về con chung: Bà T và ông C có 01 người con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày 14/9/2011 hiện đang ở với bà T. Bà T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện nuôi con của bà T thì bà là người có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng cháu H. Do đó yêu cầu của bà T về việc giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với ông C khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án đã không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hoài T và ông Trần Minh C được ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Hoài T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Gia H, sinh ngày14/9/2011 cho đến khi trưởng thành (18 tuổi). Ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Minh C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí là lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thị Hoài T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng; nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006124 ngày 27/6/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy bà T đã nộp xong án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2017) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND xã M, H. C, tỉnh Tiền Giang.
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Thị Thương